

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: **22/2017/HNGĐ - ST**

Ngày 28/7/2017

V/v ly hôn giữa anh T1 và chị T2.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1985 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang ở nhà bố đẻ chị T2 là ông Nguyễn Hồng Q tại: Số nhà 60/14 khu phố H, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Đỗ Văn T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T2 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M,

huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 31/12/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm nhưng được hai bên gia đình giàn xếp nên vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến tháng 5/2014 thì vợ chồng lại mâu thuẫn do tính cách, quan điểm của mỗi người trái ngược nhau, không đồng nhất với nhau trong mọi công việc cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể nín kéo, khắc phục được. Từ tháng 8/2015 do điều kiện công việc, anh sống xa nhà, vợ chồng thôi quan hệ sinh lý từ đó. Đến tháng 5/2016 chị T2 vào miền Nam sống với gia đình bên ngoại. Hiện nay chị T2 không có thai nghén. Tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên anh T1 xin được ly hôn với chị T2.

Về con: Anh T1 và chị T2 có 02 con chung là Đỗ Huyền T3, sinh ngày 20/11/2010 và Đỗ Thảo N1, sinh ngày 18/6/2014 đang ở với anh T1 và ông bà nội. Hiện nay anh làm nghề công nhân xây dựng, thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng. Anh cam đoan có đủ điều kiện để nuôi dạy 2 con nên anh T1 xin được nuôi 2 con, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con mà để chị T2 tự nguyện.

Về tài sản và nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 24 tháng 5 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương chị Nguyễn Thị T2 trình bày: Về quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn chị thống nhất với ý kiến trình bày của anh T1. Trong quá trình chung sống chị và anh T1 luôn xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, cuộc sống không vui vẻ và hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2016. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị đồng ý ly hôn với anh Đỗ Văn T1.

Về con: Vợ chồng có 2 con chung như anh T1 trình bày. Chị chưa nhận quyền nuôi con vì 2 con đang còn nhỏ, chưa hiểu chuyện của bố mẹ nên chị không muốn 2 con phải chia ly, để đảm bảo tư tưởng tốt nhất cho con sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng 2 con. Việc cấp dưỡng chị tự có trách nhiệm.

Về tài sản, nợ chung: Chị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, khoản 1 Điều

228 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T1 được ly hôn chị T2. Về con giao anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng hai con, chị T2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T2 theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa anh Đỗ Văn T1 và chị Nguyễn Thị T2 dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2009 là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do lối sống, quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp, sống ly thân đã hơn 1 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T1 xin ly hôn, về phía chị T2 tình cảm không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của anh T1 được ly hôn chị T2 là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con: Anh T1 và chị T2 có 02 con chung đang ở với anh T1. Nguyên vọng của anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con, không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của chị T2 cũng đồng ý với ý kiến của anh T1. Xét thấy ý kiến của anh chị là tự nguyện và phù hợp hoàn cảnh anh chị hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản và nợ chung: Anh T1, chị T2 không yêu cầu nên không xét.

3. Về án phí: Anh T1 khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu, anh Đỗ Văn T1 được ly hôn chị Nguyễn Thị T2.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Huyền T3, sinh ngày 20/11/2010 và Đỗ Thảo N1, sinh ngày 18/6/2014 cho anh T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T2 vẫn có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006384 ngày 08/5/2017. Chấp nhận anh T1 đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt anh T1 vắng mặt chị T2. Anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã M;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ

